

## 5. CÁC SỐ ĐẾN 1 000

### ĐƠN VỊ, CHỤC, TRĂM, NGHÌN

(3 tiết)

#### A. Mục tiêu

##### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết tên gọi **ngàn**; quan hệ giữa **ngàn** và trăm, chục, đơn vị.
- Đếm, lập số, đọc, viết số, cấu tạo thập phân của các số tròn chục (từ 110 đến 200) và các số tròn trăm trong phạm vi 1 000.
- So sánh, xếp thứ tự các số tròn chục (từ 110 đến 200) và các số tròn trăm trong phạm vi 1 000.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**Phẩm chất:** yêu nước.

#### B. Thiết bị dạy học

HS: 3 thẻ trăm, 3 thanh chục và 5 khối lập phương.

GV: 10 thẻ trăm, 10 thanh chục và 10 khối lập phương, hình vẽ bài thử thách.

#### C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

##### KHỞ ĐỘNG

**Đếm** từ 1 đến 10.

**Đếm** theo chục từ 10 đến 100.

**Đếm** theo trăm từ 100 đến 1 000 (HS có thể nói 10 trăm).

##### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

##### Giới thiệu 1 nghìn

HS làm việc theo nhóm bốn thực hiện các yêu cầu của GV.

– Đếm theo đơn vị: đếm 10 khối lập phương – gắn vào tạo thành thanh chục rồi nói: 10 đơn vị bằng 1 chục.

GV viết bảng lớp: 10 đơn vị = 1 chục.

– Đếm theo chục: đếm 10 thanh chục – gắn vào tạo thành thẻ trăm rồi nói: 10 chục bằng 1 trăm.

GV viết bảng lớp: 10 chục = 1 trăm.

– Đếm theo trăm: đếm 10 thẻ trăm – gắn vào tạo thành khối nghìn rồi nói: 10 trăm bằng 1 nghìn.

GV viết bảng lớp: 10 trăm = 1 nghìn.

- HS nói nhiều lần: 10 trăm = 1 nghìn, 1 nghìn = 10 trăm  
10 chục = 1 trăm, 1 trăm = 10 chục  
10 đơn vị = 1 chục, 1 chục = 10 đơn vị.

## LUYỆN TẬP

### Bài 1:

- **Tìm hiểu** mẫu.

Yêu cầu của bài: **viết, đọc** các số tròn trăm trong phạm vi 1 000.

- HS thực hiện theo nhóm đôi: **viết** và **đọc** số cho nhau nghe.
- Khi sửa bài, GV khuyến khích HS cầm bảng con lên **trình bày**.  
GV lưu ý HS số các chữ số 0 khi viết các số tròn trăm trong phạm vi 1 000.

### Bài 2:

- Nhóm đôi, HS tìm **hiểu bài, nhận biết**:

Yêu cầu của bài: **đọc** các số tròn trăm trên tia số

- Khi sửa bài, GV yêu cầu HS đọc xuôi, ngược, đọc số tròn trăm bất kì trên tia số.

**Bài 3:** HS thực hiện nhóm đôi.

- **Thảo luận, nhận biết**:

- Số trứng ở mỗi khay như nhau.
- Tìm cách đếm.

- HS có thể **thực hiện** như sau:

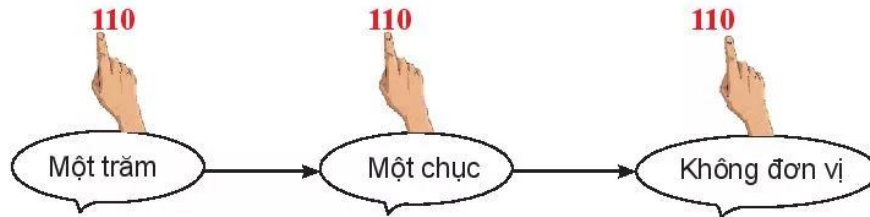
- Đếm số trứng ở mỗi khay: 1, 2, 3, ..., 20. Mỗi khay có 2 chục.
- Đếm chòong trứng thứ nhất: 2 chục, 4 chục, 6 chục, 8 chục, 1 trăm.
- Đếm chòong trứng thứ hai: 2 chục, 4 chục, 6 chục, 8 chục.
- **Kết luận**: có 1 trăm và 8 chục trứng.

### Bài 4:

- GV giới thiệu bảng các số tròn chục từ 110 đến 200.
- GV hướng dẫn HS thực hiện mẫu.

Hàng đầu: 110

- **Quan sát** hình ảnh các khối lập phương.  
Có 1 trăm khối lập phương, ta viết chữ số 1 ở cột trăm.  
Có 1 chục khối lập phương, ta viết chữ số 1 ở cột chục.  
Có 0 đơn vị (không có khối lập phương lẻ), ta viết chữ số 0 ở cột đơn vị.
- **Viết số**.  
Có 1 trăm, 1 chục và 0 đơn vị (GV vừa nói, vừa chỉ tay vào các chữ số ở các cột trăm – chục – đơn vị), ta viết số 110 (GV và HS cùng **viết**).
- **Đọc số**: một trăm mười.
- HS **chỉ tay** vào từng chữ số của số đã viết (110) để **nói** giá trị của từng chữ số.



Hàng thứ hai: 120

HS tự **thực hiện** theo trình tự trên.

Hàng thứ ba: 130

- GV đọc số, HS **viết** số ra bảng con.
  - HS **nói** giá trị mỗi chữ số của số 130.
  - HS **dùng** ĐDHT thể hiện số 130.
  - HS **kiểm chứng** với SGK.
- HS **thực hiện** các hàng còn lại.
- Khi sửa bài, có thể yêu cầu HS:
- Đọc số.
  - **Viết** số.
  - **Nói** giá trị các chữ số của số cụ thể.
  - Dựa vào hình ảnh trong SGK, **giải thích** tại sao lại viết số đó.
  - **Nhận biết** số tròn chục (số đơn vị là 0, hay tận cùng là chữ số 0).

#### Bài 5:

– Tìm hiểu, nhận biết: xác định số của mỗi cái cây (dựa vào tia số), mỗi con chim mang một bảng đọc số – đó cũng chính là số của cái cây mà con chim đó sẽ bay đến.

Bài này nên dựa vào bảng số của con chim để **viết** số của cái cây trước, khi có kết quả sẽ tìm cây để con chim bay đến.

Ví dụ: Con chim sẻ (màu đen) sẽ bay đến cây số mấy? (180)

180 ở giữa hai số nào trên tia số? (170 và 190)

Chim sẻ sẽ bay đến cây màu xanh da trời (xanh dương).

...

#### Bài 6:

– **Tìm hiểu** bài:

- **Quan sát** hình vẽ, em **nhận biết** điều gì? (có bốn xe chở trứng gà, số lượng trứng mỗi xe được ghi trên bảng gắn ở mỗi xe)
- Bài toán yêu cầu gì? (HS **đọc** yêu cầu của bài toán)

– HS thực hiện nhóm đôi: **Thảo luận** và **làm bài**.

HS có thể **thực hiện** như sau:

- Đếm số trứng ở mỗi khung.
- a) 1 trăm, 2 trăm, 3 trăm. Có 300 quả trứng.

- b) 1 trăm 5 chục. Có 150 quả trứng.
- c) 1 trăm 3 chục. Có 130 quả trứng.
- d) 1 trăm, 2 trăm. Có 200 quả trứng.

- Viết số trứng vào bảng con.

– HS **trình bày**, GV khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

Ví dụ:

- a) 3 trăm trứng: 300, xe màu xanh lá (xe thứ ba, áp bìa phải).
- b) 1 trăm 5 chục trứng: 150, xe màu đỏ (xe cuối cùng, bìa phải).
- c) 1 trăm 3 chục trứng: 130, xe màu xanh lá (xe thứ hai, áp bìa trái).
- d) 2 trăm trứng: 200, xe màu đỏ (xe đầu tiên, bìa trái).

### Thử thách

HS thảo luận (nhóm bốn) để **tìm hiểu**, **nhận biết** và **thực hiện** các yêu cầu trong SGK

a) Mỗi hàng gạch đều có 10 viên, đếm theo chục: 10, 20, 30, ..., 190, 200.

b) GV có thể cho HS đếm: có 20 hàng gạch.

c) GV có thể hỏi, gợi ý cho HS đếm.

Mỗi hàng gạch có mấy viên gạch màu đỏ? (1)

Có tất cả bao nhiêu viên gạch đỏ? (20)

Tương tự, GV cho HS đếm số viên gạch của từng màu nói cho bạn nghe.

Sửa bài, GV có thể tổ chức cho HS chơi “Đố bạn” (hoặc truyền điện) để các em lần lượt nêu kết quả đếm được (của mỗi màu gạch).

### Củng cố

GV đọc bốn số tròn chục (từ 110 đến 200).

HS viết số ra bảng con rồi sắp xếp bốn số trên theo thứ tự từ lớn đến bé.